TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 322/2026/DS-PT Ngày: 17 - 4 - 2026 V/v Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Phùng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thũy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2026/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: 084177013153, ngày cấp: 10/5/2021.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Tuyết V, sinh năm 1995 (văn bản ủy quyền ngày 09/5/2025, có mặt).

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Công T, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1978 (xin vắng).

Số CCCD: 096078004521, ngày cấp: 18/01/2023.

2. Bà Võ Bích D, sinh năm 1987 (có mặt).

Số CCCD: 096187005217, ngày cấp: 15/01/2023.

Cùng địa chỉ: Ấp G, phường L, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Trước đây vợ chồng ông Đ, bà D có thuê sà lan của bà P, ông Đ làm thuyền trưởng, bà D làm máy trưởng cho sà lan, do quen biết nên không có làm hợp đồng, chỉ nói miệng. Khoảng năm 2016, bà P giao 01 chiếc sà lan nhỏ cho vợ chồng ông Đ thuê để chở cát, giá thuê 50.000.000đ/tháng. Đến năm 2021, bà P bán chiếc sà lan này cho người khác và cho vợ chồng ông Đ thuê sà lan lớn, giá thuê 70.000.000đ/tháng, đầu năm 2024 giảm giá thuê xuống còn 60.000.000đ/tháng. Vợ chồng ông Đ thanh toán tiền thuê có tháng trả đủ, có tháng thiếu lại. Tính đến cuối năm 2023, ông Đ còn nợ 470.000.000đ, bà D nợ 120.000.000đ. Do bà P cho thuê sà lan mỗi tháng 70.000.000đ nhưng ông Đ xin bớt còn 50.000.000đ mỗi tháng nhưng bà P không đồng ý. Bà D nói riêng với bà P cứ chấp nhận cho ông Đ thuê 50.000.000đ/tháng rồi bà D sẽ ghi nợ mỗi tháng 10.000.000đ cho bà P, tức là giá thuê 60.000.000đ/tháng từ đầu năm 2024 đến cuối năm 2024. Ông Đ, bà D còn nợ bà P tổng cộng 590.000.000đ có ký xác nhận. Đầu tháng 3/2025, bà P lấy sà lan lại để bán cho người khác, nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà D trả tiền thuê còn nợ nhưng vẫn chưa thanh toán. Nay bà P yêu cầu ông Đ, bà D trả số tiền gốc 590.000.000đ, yêu cầu lãi suất số tiền 470.000.000đ với thời gian 35 tháng (từ ngày 30/01/2023 đến ngày 31/12/2025), lãi suất 10%/năm bằng số tiền 137.000.000đ, tổng số tiền bà P yêu cầu 727.000.000đ, ngoài ra bà P không yêu cầu gì khác.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Bích D, ông Huỳnh Minh Đ thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà D, ông Đ không có thuê tàu của bà P mà vào khoảng năm 2016, vợ chồng bà D có làm thuê, là thuyền trưởng chạy tàu cho ông Lâm Văn L (là chủ tàu vợ chồng bà D đang chạy hiện nay), thời điểm trước bà P là quản lý tàu, làm việc nhiều năm vợ chồng bà có mượn của bà P 02 giấy nợ là 470.000.000đ và 120.000.000đ, tổng số tiền 590.000.000đ, đồng ý theo hai giấy nhận nợ đối với khoản nợ này. Từ cuối năm 2023 đến đầu năm 2025 vợ chồng bà đã chuyển vào số tài khoản của bà Nguyễn Hoài M (con dâu bà P ở chung nhà), do bà P không có tài khoản ngân hàng nên bà P yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản chị M, bao gồm số tiền trả nợ và số tiền cho bà P mượn. Tổng số tiền đã chuyển là 860.400.000đ đối trừ số tiền 590.000.000đ còn lại 270.400.000đ. Nay bà D, ông Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà P do đã chuyển khoản trả xong nợ, xin rút lại yêu cầu phản tố buộc bà P trả số tiền 270.400.000 đồng. Ông, bà xác định nếu có nợ chỉ nợ 45.029.000đ, chứ không phải số tiền như yêu cầu của bà P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2026/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P; Buộc ông Đ và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P tổng số tiền 727.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đ và bà D về yêu cầu bà P trả số tiền 270.400.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, ông Đ và bà D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc ông Đ và bà D trả số tiền là 727.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Trần Tuyết V trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì án sơ thẩm quyết định là có căn cứ; giữa nguyên đơn và bị đơn giao dịch với nhau nhiều khoản tiền thông qua chuyển khoản, nhưng số tiền bị đơn thuê sà lan của nguyên đơn 590.000.000đ thì chưa thanh toán.

- Bị đơn, bà Võ Bích D trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; ông Đ, bà D không thuê sà lan của bà P, mà ông bà làm thuê, ông Đ là thuyền trưởng, bà D là máy trưởng, lương của hai vợ chồng mỗi tháng 35.000.000đ; vợ chồng bà D ứng lương từ bà P nhiều lần, bắt đầu từ năm 2016, đến khi đối chiếu nợ vào năm 2023, thì thiếu bà P 470.000.000đ và một mình bà D mượn 120.000.000đ.

Căn cứ kháng cáo: Bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.865.900.000đ, trong đó có trả khoản nợ 590.000.000đ; giữa hai bên giao dịch với nhau nhiều khoản tiền, do khi chuyển khoản không ghi nội dung thanh toán, cho nên không xác định chính xác khoản nợ 590.000.000đ đã trả được bao nhiêu, theo bị đơn còn thiếu nguyên đơn khoảng 45.000.000đ và đồng ý trả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Minh Đ.

[2] Xét kháng cáo,

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D trình bày vợ chồng bà có thiếu bà P tổng số tiền 590.000.000đ (trong đó: số tiền 470.000.000đ bà D, ông Đ ứng lương, 120.000.000đ bà D mượn), ông bà làm thuê, ông Đ là thuyền trưởng, bà D là máy

trưởng, lương của vợ chồng mỗi tháng 35.000.000đ; về phía nguyên đơn cho rằng bị đơn thuê sà lan và còn nợ số tiền thuê là 590.000.000đ, nhưng tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp không chứng minh được bị đơn thuê sà lan; tuy nhiên, giữa các đương sự thống nhất với nhau về số tiền gốc 590.000.000đ bắt đầu giao dịch từ năm 2016 đến cuối năm 2023 và hai bên có đối chiếu công nợ, ông Đ và bà D có viết hai giấy nhận nợ, trong đó, tính đến ngày 09/01/2023 âm lịch thì ông Đ ký tên giấy nợ thiếu bà P 470.000.000đ, và bà D ký tên giấy nợ thiếu bà P 120.000.000đ. Như vậy, thực tế có sự việc ông Đ, bà D ký giấy nhận nợ thiếu bà P tổng số tiền 590.000.000đ.

Theo bà D trình bày tại phiên tòa, từ sau khi đối chiếu nợ năm 2023 đến năm 2025 thì bị đơn chuyển khoản nhiều lần để trả cho bà P số tiền 1.865.900.000đ, bao gồm tiền thừa sau mỗi chuyến sà lan đi chở nguyên vật liệu cho bà P, có cả khoản tiền bà D, ông Đ cho bà P mượn và có khoản tiền bị đơn trả khoản nợ 590.000.000đ; về phía bà P cũng cung cấp chứng từ chuyển khoản cho bà D số tiền khoảng 1,9 tỷ đồng; khi chuyển tiền, cả hai bên không ghi nội dung chuyển khoản; bà P xác định bà D chưa chuyển trả số tiền 590.000.000đ, trong khi bà D xác nhận đã trả và còn thiếu khoảng 45.000.000đ, nhưng bà D, ông Đ không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là đã chuyển khoản trả cho bà P trong số nợ 590.000.000đ; chính bị đơn cũng không xác định đã trả được bao nhiêu tiền, mà ước tính còn thiếu bà P khoảng 45.000.000đ; do đó, bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thiếu nợ nguyên đơn thời gian dài nhưng không thanh toán, đã xâm phạm đến lợi ích của nguyên đơn, do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lãi kể từ ngày viết biên nhận nợ với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm đúng như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

[5] Các nội dung khác của án sơ thẩm, đương sự không kháng cáo, nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2026/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền 727.000.000 đồng *(bảy trăm hai mươi bảy triệu đồng),* trong đó tiền gốc 590.000.000 đồng và tiền lãi 137.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D về yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả số tiền 270.400.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D cùng phải chịu số tiền 33.080.000 đồng. Ngày 04 tháng 7 năm 2025, ông Đ, bà D đã nộp tạm ứng án phí 6.760.000 đồng theo Biên lai thu số 0011253 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, đối trừ phải nộp tiếp số tiền 26.320.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí, ngày 09 tháng 5 năm 2025, bà P đã nộp tạm ứng án phí 15.992.000 đồng theo Biên lai thu số 0005589 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), bà P được nhận lại toàn bộ.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Minh Đ và bà Võ Bích D phải chịu. Ngày 14 tháng 01 năm 2026 ông Huỳnh Minh Đ, bà Võ Bích D đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000490 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

3. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền